

Bản án: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 7 năm 2022
V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hồng Minh
2. Ông Nguyễn Trung Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng, Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên tòa: Ông Ngô Trường Út- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1984, có mặt

Nơi cư trú: Thôn M, xã Ng, huyện L, tỉnh V.

2. *Bị đơn:* anh Mai Văn M, sinh năm 1983, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn M, xã Ng, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày: chị kết hôn với anh Mai Văn M ngày 25/6/2004. Trước khi kết hôn, hai bên có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện L. Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh M làm dâu và sống chung cùng gia đình anh M được 14 năm thì ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh M thường xuyên cờ bạc, có quan hệ ngoài luồng và đánh đập chị. Anh M thường xuyên đi làm vắng nhà, có

thời điểm anh đi 3- 4 tháng, có thời điểm 02 tháng và thường xuyên như vậy. Anh M bỏ bê gia đình, không có một chút quan tâm nào đối với gia đình và con cái, nếu có cũng chỉ là thỉnh thoảng đưa cho chị ít tiền nuôi con, còn mọi gánh vác trong gia đình đều một tay chị lo liệu. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống như vậy được, chị xin được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu lớn Mai Anh T, sinh ngày 03/8/2005, cháu bé Mai Anh H, sinh ngày 21/3/2009. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị. Nếu ly hôn chị xin được nuôi cả hai cháu và chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con cùng chị 2.000.000đ/ 02 cháu/ 1 tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Mai Văn M vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2022 anh M trình bày: Anh xác định anh và chị V kết hôn ngày 25/6/2004. Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, chị V về gia đình anh làm dâu và sống chung cùng gia đình, đến năm 2017 vợ chồng mua đất, xây nhà và ra ở riêng từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng lẫn nhau, công việc của anh thường đi làm vắng nhà dài ngày, ít có thời gian quan tâm đến vợ con nên từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay chị V xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị V trình bày. Hiện cả 02 cháu đang ở cùng chị V. Ly hôn, do anh bận đi làm ăn không có nhiều thời gian chăm sóc các con nên anh đồng ý để chị V trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Anh đồng ý đóng góp nuôi con chung cùng chị V 1.000.000đ/1 cháu/ tháng, đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh xác định trong thời gian vợ chồng chung sống, vợ chồng anh có mua được 01 mảnh đất tại thôn M, xã Ng diện tích 1.000m², trên đất có 01 ngôi nhà hai tầng mái Thái xây dựng năm 2017; 01 sân gạch lát gạch đỏ; 01 cổng và tường rào đều xây dựng năm 2017. Ly hôn, anh đề nghị chia đôi đất và các công trình trên đất.

Về công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi anh M có yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng, Tòa án đã yêu cầu anh nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật nhưng anh M không nộp tiền tạm ứng án phí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự: đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vân, cho chị V được ly hôn anh M. Về con chung: giao cả 02 con cho chị V nuôi dưỡng và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V. Về yêu cầu chia tài sản chung của anh M, do anh M không nộp tiền tạm ứng án phí nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V có yêu cầu xin ly hôn anh Mai Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã Ng, huyện L, tỉnh V. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

Tại phiên tòa, chị V đều có mặt, anh M vắng mặt lần 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị V và anh M là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện L, tỉnh V. Theo chị V, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là anh M chơi bời bên ngoài, không quan tâm gì đến gia đình và các con. Anh M xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng lẫn nhau, công việc của anh thường đi làm vắng nhà dài ngày, ít có thời gian quan tâm đến vợ con nên từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Như vậy Hội đồng xét xử thấy rằng: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng bất đồng quan điểm

sống và không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã mâu thuẫn một thời gian nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị V xin ly hôn, anh M cũng đồng ý. Do vậy, đề nghị xin ly hôn của chị V là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: chị V, anh M xác định vợ chồng có 02 con chung: cháu Mai Anh T, sinh ngày 03/8/2005, cháu Mai Anh H, sinh ngày 21/3/2009. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị V. Xét đề nghị của chị V xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/01 cháu/ tháng (02 cháu là 2.000.000đồng/tháng) đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh M cũng đồng ý để chị V nuôi con và đồng ý mức cấp dưỡng trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V.

[2.3] Về tài sản chung: Chị V không đề nghị Tòa án giải quyết, còn anh M đề nghị Tòa án giải quyết nhưng anh không nộp án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công nợ, công sức: Chị V và anh M không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu theo quy định của pháp luật, anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V. Cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Mai Văn M.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 cháu: Mai Anh T, sinh ngày 03/8/2005 và cháu Mai Anh H, sinh ngày 21/3/2009 (Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị V). Anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V 1.000.000đồng/ 01 cháu/01 tháng (tổng 2.000.000đ/ 02 cháu/tháng), kể từ tháng 7/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và lao động tự túc được. Sau khi ly hôn, anh M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh M không trả hoặc chậm trả thì anh M phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ số tiền 300.000đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006160 ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị V đã nộp đủ án phí. Anh M phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- THA huyện L;
- UBND xã Ng;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU

Ngô Thị Minh Hiệp